

Bản án số: 18/2023/DS-ST  
Ngày 14/9/2023  
Về việc “Tranh chấp đất đai”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Đức Quang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Sùng A Cở; 2. Ông Vũ Minh Huấn

*Thư ký phiên tòa:* Ông Má A Trư - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Bà Lò Kim Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20A/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Trương Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số nhà 033A, đường M, tổ 7 phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa;

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 14, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa;

**Bị đơn:** Anh Sùng A L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Ý, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

**Người đại theo ủy quyền của bị đơn:** Anh Sùng A D, sinh năm 1997; Địa chỉ; Thôn S, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa;

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ 7, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa (có đề nghị xét xử vắng mặt).

**Những người làm chứng:**

- Ông Phạm Văn H, sinh năm 1966; Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965;  
Cùng địa chỉ: Tổ 1, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai;

Ông Đinh Văn S, sinh năm 1969; Ông Hà Quang C, sinh năm 1935; Bà Lê Thị K, sinh năm 1943; Bà Trần Thị T, sinh năm 1959; Ông Đào Văn D, sinh năm 1957; Ông Trương Hồng G, sinh năm 1976; Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1942; Bà Trương Thị L, sinh năm 1938; Ông Phan Nho T, sinh năm 1971; Ông Nguyễn Trường Q, sinh năm 1977; Ông Nguyễn Tiến N, sinh năm 1953; Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1957; Bà Nguyễn Thị N; Bà Chảo Thị P; Ông Trần Doãn T, sinh năm ; Bà Trần Thị C; Bà Phạm Thị H, sinh năm 1995; Ông Phạm Trung H, sinh năm 1992; Cùng địa chỉ tổ 7, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai;

Ông Tạ Anh T, sinh năm 1974; Ông Trần Xuân T, sinh năm 1952; Cùng địa chỉ: Tổ 36, phường Kim T, thành phố L, tỉnh Lào Cai;

Bà Má Thị S, Sinh năm 1925; Địa chỉ: Bản N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; anh Sùng A S, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn S, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai;

Bà Thào Thị L, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Ý, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai; Có mặt tại phiên tòa. Còn những người làm chứng khác đều vắng mặt.

**Người phiên dịch:** Anh Hạng A G, sinh năm 2001; Địa chỉ: Tổ 2 phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2022 và các bản tự khai của nguyên đơn, và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều trình bày: Năm 1992, hộ gia đình ông Phạm Việt H và bà Trương Thị H được UBND huyện S cấp sổ quản lý vườn rừng tên ông Phạm Việt H, diện tích đất được cấp là 6000m<sup>2</sup>. Thửa đất có tứ cận, một mặt giáp chân dốc H, một mặt giáp đất bà H (Hiện nay là bà P), một mặt giáp đất bà H (Hiện là đất ông S quản lý) và một mặt giáp đường M. Năm 2005, ông Phạm Việt H chết, không để lại di chúc. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm: Ông Phạm Xuân H bố đẻ ông H (Chết năm 1973); Bà Nguyễn Thị L mẹ đẻ ông H (Chết năm 1989) và bà Trương Thị H cùng 02 con là Phạm Trung H, sinh năm 1992, Phạm Thị H, sinh năm 1995. Về nguồn gốc thửa đất do bà nội ông H là cụ Nguyễn Thị N, khai phá và sử dụng,

đến năm 1992 cụ N cho vợ chồng ông H và bà H canh tác sử dụng. Ông H bà H đã trồng cây thông và cây Pơ Mu, hàng năm có lên phát cỏ trên diện tích đất này. Phần đất đang tranh chấp với anh Sùng A L, qua đo đạc, xét thẩm định tại chỗ có diện tích là 587,1m<sup>2</sup>. Trong đó diện tích đất nằm trong phần diện tích bà H mua của ông Nguyễn Tiến N là 130,9m<sup>2</sup> và 456,2m<sup>2</sup> nằm trong diện tích đất đã được UBND huyện S cấp cho ông Nguyễn Việt H năm 1992. Đất bà H mua của ông N có tứ cận như sau: Một phần giáp với đất của ông Trần Xuân T, một mặt tiếp giáp với đất bà Nguyễn Thị H là em vợ của ông N, còn hai mặt tiếp giáp với đất của gia đình nhà bà H. Sau khi mua đất của ông N gia đình bà đã chặt một số cây thông, cây trúc, cây tre ông N đã trồng trước đó, năm 2019 bà H có trồng lại một số cây tre. Đến năm 2020 bà H thấy có một số người dân tộc H.Mông đến trồng ngô trên diện tích đất trên. Do gia đình bà H chưa có nhu cầu sử dụng và cho rằng đất của gia đình đã được nhà nước cấp sổ quản lý vườn rừng, nên bà H vẫn để họ cho làm, cuối năm 2021 thì những người này đã dùng khung lưới sắt B40 rào xung quanh khu đất. Nên xảy ra tranh chấp, bà H làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân phường S giải quyết, đến khi UBND phường S giải quyết, bà mới biết người tranh chấp đất với bà là anh Sùng A L, phường S hòa giải không thành. Bà H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã S giải quyết. Buộc ông Sùng A L phải tháo dỡ hàng rào dựng trái phép trên đất tranh chấp và trả lại cho bà H diện tích đất là 587,1m<sup>2</sup>.

**Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:** Diện tích đất tranh chấp giữa Trương Thị H với anh Sùng A L có nguồn gốc là của ông bà nội của anh Sùng A L là cụ Sùng A P và cụ Má Thị S khai phá, sử dụng từ lâu, đến năm 1970 cho ông Sùng A G (bố anh L), ông G đã sử dụng liên tục để trồng cây ngô, đến năm 2003 ông Sùng A G cho anh Sùng A L diện tích đất này. Anh L tiếp tục canh tác và sử dụng trồng cây ngô, cây bí. Đến ngày 09/12/2021 bà H cho rằng diện tích đất do anh L sử dụng là đất của gia đình bà H đã được cấp sổ quản lý vườn rừng từ năm 1992, bà H thuê người lên phát cỏ, để quản lý đất ngày 24/12/2021 anh L đã tiến hành rào lại toàn bộ diện tích đất. Nên đã xảy ra tranh chấp. Bị đơn cho rằng diện tích đất đang tranh chấp giữa bà Trương Thị H với bị đơn, do gia đình bị đơn khai phá và sử dụng liên tục nhiều đời nay, còn đất của gia đình bà H ở phía dưới có trồng cây thông, ranh giới là cọc Bê tông, nhưng khi tranh chấp phát sinh, hàng cọc Bê tông đã bị nhỏ. Nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án bác Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H trong các bản khai đã trình bày:** Nguồn gốc đất tranh chấp do ông bà nội của chị H để lại có tổng diện tích đất rừng là 0,6 ha. Năm 1992 đã được cấp sổ quản lý vườn rừng đứng tên ông Phạm Việt H (bố đẻ chị H) do phía trên địa hình dốc nhiều đá, nên gia đình không trồng cây gì, hàng năm mẹ chị H là bà Trương Thị H vẫn thuê

người phát cổ. Bị đơn cho rằng đất tranh chấp gia đình bị đơn sử dụng liên tục từ nhiều đời là không đúng. Chị H nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H buộc bị đơn ông Sùng A L phải tháo dỡ hàng rào dựng trái phép trên đất tranh chấp và trả lại cho bà Trương Thị H và chị diện tích đất tranh chấp là 587,1m<sup>2</sup>.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữa nguyên đơn với bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của họ kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã đảm bảo đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, 35, 39 BLTTDS; Điều 166, 170, 203 Luật đất đai chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H như sau:

- Buộc bị đơn là Sùng A L phải di dời toàn bộ hàng rào sắt, trên diện tích tranh chấp là 578,1m<sup>2</sup> tại tổ 7 phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2022.

- Giao bà Trương Thị H quản lý đối với diện tích đất tranh chấp nói trên để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Bà H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến yêu cầu xem xét, khiếu nại gì về thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và người và người đại diện theo ủy quyền của họ đều có mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Những người làm chứng vắng mặt đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tài sản tranh chấp là bất động sản tại thị xã S và nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại thị xã S. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai, theo quy định tại khoản 9 Điều 26 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp đất đai:

Nguyên đơn bà Trương Thị H yêu cầu Tòa án S giải quyết buộc ông Sùng A L phải tháo dỡ hàng rào cột sắt, lưới B40 dựng trái phép trên đất của bà H và trả lại cho bà H diện tích đất tranh chấp là 587,1 m<sup>2</sup>.

\* Về nguồn gốc đất tranh chấp và các giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất: Bà Trương Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp với ông Sùng A L là 587,1 m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất: Tổ 7, phường S, thị xã, tỉnh Lào Cai. Trong đó có 456,2m<sup>2</sup> nằm trong phần diện tích đất ông H (Chồng bà H) đã được cấp sổ quản lý vườn rừng và 130,9m<sup>2</sup> nằm trong phần diện tích đất bà H mua của ông N, đến nay bà H chưa được quy chủ và bà H cũng chưa làm thủ tục, để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H đã cung cấp cho Tòa án 01 sổ quản lý vườn rừng đứng tên ông Phạm Việt H do UBND huyện S cấp ngày 20/6/1992. Diện tích đất được cấp là 0,6ha. Còn bị đơn anh Sùng A L khẳng định diện tích đất tranh chấp giữa bà Trương Thị H với anh, anh chưa được cấp quyền sử dụng đất, chưa được quy chủ, có nguồn gốc của ông bà nội của anh Sùng A L, là cụ Sùng A P và cụ Má Thị S khai phá, sử dụng từ lâu, đến năm 1970 cho ông Sùng A G (bố anh L), ông G đã sử dụng liên tục để trồng cây ngô, đến năm 2003 ông Sùng A G cho bị đơn diện tích đất này. Anh L tiếp tục canh tác và sử dụng để trồng cây ngô, cây bí và trong suốt quá trình sử dụng không có tranh chấp với ai. Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ phần diện tích đất tranh chấp và tiến hành đối chiếu lồng ghép phần diện tích đất tranh chấp với diện tích đất ông H đã được cấp sổ quản lý vườn rừng năm 1992, thì không xác định được diện tích đất đang tranh chấp 456,2m<sup>2</sup> có nằm trong diện tích đất ông H đã được cấp sổ quản lý vườn rừng hay không, vì sổ quản lý vườn rừng Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho ông Phạm Việt H là sơ đồ được đo vẽ thủ công (không xác định được hệ tọa độ), nên không thể tiến hành lồng ghép được. Mà diện tích 456,2m<sup>2</sup> đang tranh chấp, thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 9 hiện chưa quy chủ sử dụng đất cho ai. Diện tích đất 130,9m<sup>2</sup> tranh chấp được xác định có 11,5m<sup>2</sup> thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 7 được quy chủ cho Công ty cổ phần du lịch H, có 51,8 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 9, được quy chủ tên bà T (Tr) đây là tên ghi trên bản đồ địa chính, có 67,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 9 hiện chưa quy chủ sử dụng đất. Nhưng Bản quản lý khu du lịch sinh thái H và ông Phan Nho Tr, bà Nguyễn Thị T đều khẳng định diện tích đất tranh chấp không có ai sử dụng, không biết việc mình đã được quy chủ, nên từ chối tham gia tố tụng. Còn việc cụ P và cụ M cho ông Sùng A G đất (văn bản viết tay do bị đơn cung cấp) nội dung văn bản thể hiện cụ P và cụ M cho ông G đất ở chân núi H, không xác định vị trí, sơ đồ cụ thể, nên không có căn cứ xác định phần đất tranh chấp có nằm trong diện tích cho nhận này hay không và những người làm chứng là chị Má Thị S, bà Thào Thị L, bà Má Thị L, anh Sùng A S, ông Sùng A G đều là những người có mối quan hệ ruột thịt, thân thích với bị đơn, nên không được khách quan. Ngoài ra bị đơn không đưa ra được chứng cứ nào khác. Qua lời khai của bà Nguyễn Thị H và bà Chảo Thị P xác định khi được cấp đất thì diện tích đất của ông Phạm Việt H (chồng bà Trương Thị H) nằm giữa đất của bà H và bà P, ngoài ra không có đất

của ai khác; Đến nay các hộ được giao vẫn quản lý sử dụng đất, không có thay đổi về ranh giới và chủ quản lý, sử dụng. Ông Nguyễn Tiến N và bà Nguyễn Thị P xác nhận năm 2006 đã chuyển nhượng cho bà Trương Thị H diện tích đất khoảng 1000 m<sup>2</sup> có vị trí phía sau nhà bà H, trong đó có một phần đất đang tranh chấp nằm trong diện tích đất ông N và bà P đã chuyển nhượng cho bà Trương Thị H năm 2006.

- Về quá trình sử dụng đất: Nguyên đơn bà H khai sau khi ông H mất bà H là người quản lý sử dụng đất, nhưng địa hình dốc, nhiều đá bà không trồng cây gì, mà khi cỏ mọc rậm bà thuê người phát cỏ. Bị đơn anh Sùng A L khẳng định anh sử dụng diện tích đất tranh chấp (trồng cây ngô, rau cải, cây bí) liên tục từ năm 2003 đến nay. Qua lời khai của một số người làm chứng là người sử dụng đất giáp ranh và những người đã và đang sinh sống gần thửa đất tranh chấp đều khẳng định diện tích đất đang tranh chấp giữa bà Trương Thị H và anh Sùng A L có vị trí phía sau nhà bà H là đồi dốc, nhiều đá từ trước đến khi tranh chấp không có ai sử dụng, canh tác, mà khi cỏ rậm có thấy bà H thuê người phát cỏ và chưa bao giờ thấy có người dân tộc Mông nào sử dụng, canh tác đất trên, sau khi xảy ra tranh chấp mới thấy anh L rào xung quanh và trồng ngô, bí, do đất xấu, nên các cây trồng không phát triển được.

Trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Sùng A L khai đã bán toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho ông Phạm Trung D, trú tại: Số 32 ngách 475/20/93 đường N, quận T, thành phố Hà Nội từ ngày 18/11/2021, nhưng đến nay ông D mới thanh toán cho anh Là ½ số tiền theo thỏa thuận, nên anh L vẫn đang quản lý và sử dụng diện tích đất trên. Tòa án nhân dân thị xã S đã thông báo cho ông D để tham gia tố tụng, nhưng ông D không có ý kiến phản hồi. Do vậy không xem xét giải quyết về việc chuyển nhượng đất giữa ông D và anh L trong vụ án này.

Từ những phân tích nói trên xét thấy các bên đương sự đều không cung cấp được giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất là của mình. Qua lời khai của đương sự, người làm chứng thấy rằng có căn cứ để xác định nguồn gốc đất tranh chấp có 456,2m<sup>2</sup> là đất trong sổ quản lý vườn rừng của ông Phạm Việt H (chồng bà H) và 130,9m<sup>2</sup> nằm trong diện tích đất mà bà H mua của ông Nguyễn Tiến N. Vì vậy, Nguyên đơn bà Trương Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Sùng A L tháo dỡ hàng rào, trả lại quyền sử dụng 587,1 m<sup>2</sup> đất đang tranh chấp địa chỉ tại: Tổ 7, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai, cho nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn đã nộp.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều, 227, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 100, Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H như sau:

1. Tuyên xử: Buộc bị đơn anh Sùng A L phải di dời toàn bộ hàng rào sắt có chiều dài là 88,2m, được chia làm 21 khung sắt, mỗi khung sắt có chiều dài và chiều cao là 03m x 1,4m trên diện tích đất tranh chấp, trả lại cho bà Trương Thị H và chị Phạm Thị H diện tích đất 587,1 m<sup>2</sup>, có địa chỉ thửa đất: Tổ 7, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vị trí, ranh giới thửa đất được xác định theo các điểm tọa độ theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 12/4/2022.

*(Kèm theo bản án là sơ đồ hiện trạng thửa đất được xem xét, thẩm định ngày 12/4/2022, đây là phần không thể tách rời của bản án).*

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh Sùng A L phải trả cho bà Trương Thị H số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải hoàn trả, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi xuất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Sùng A L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trương Thị H được hoàn hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004929 ngày 19/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh LC;
- VKSND thị xã Sa Pa (2);
- THADS thị xã Sa Pa;
- Đương sự (02);
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Đức Quang**





